

Bản án số: 193/2018/HSST
Ngày 15-10-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Thương
Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 177/2018/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2018/HSST- QĐXX ngày 10 tháng 9 năm 2018, đối với bị cáo:

Ngô Quang T (tên gọi khác: **Lượm**) sinh ngày 31-12-1992 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: 442/1/2/4 đường B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ văn hoá: không đi học; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Quang H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1968; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2018; tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 44/2016/HSST ngày 24-3-2016 TAND TP V xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 21-01-2017 chấp hành xong hình phạt tù được trả về địa phương;

Bị bắt tạm giam ngày 02 tháng 6 năm 2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V (có mặt).

Bị hại:

1. Nguyễn Trung H, sinh năm 1990; cư trú tại: Số 2/7D21 đường B, Phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt);

2. Đặng Anh T, sinh năm 1982, cư trú tại: Số 212 B19 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt);

3. Trần Thị L, sinh năm 1976, cư trú tại: Số 222/2 đường B, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt);

4. Nguyễn Minh V, sinh năm 1989, cư trú tại: Số 38/5/4A đường B, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt);

5. Trương Thị Phương D, sinh năm 1984, cư trú tại: Số 38 đường T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt);

6. Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1987, cư trú tại: Số 210/2 đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt);

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:

1. V Văn O, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số 278 đường B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Nguyễn Quang A, sinh năm 1993; nơi cư trú: Hẻm 921 đường B, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Quang T là đối tượng có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, không có việc làm và nghiện ma túy. Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, từ ngày 13-5-2018 đến ngày 31-5-2018, T đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố V, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 21 giờ vào một ngày đầu tháng 5-2018, tại khu vực trước nhà số 70 đường N, phường N, TP V, T trộm cắp được 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 38P1-119.97 của anh Đặng Anh T. Sau khi lấy được xe, T tháo biển số 38P1-119.97 đem vứt bỏ rồi gắn biển số 72H1-010.21 (biển số xe này, T nhặt trên đường B, phường 10, TP V). Sau đó, T đem xe đến tiệm bán xe đạp ở số 278 đường B, phường N, TP V bán cho anh V Văn O được 2.500.000đ đem tiêu xài hết.

Theo biên bản xác định giá trị tài sản số 140/BB ngày 20-7-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự TP V thì giá trị 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 38P1-119.97 là 5.500.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 38P1-119.97 trả cho anh Đặng Anh T. Anh T đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu đề nghị gì thêm.

Vụ thứ 2: Khoảng 02 giờ ngày 13-5-2018, tại khu vực trước nhà số 2/7 D21 đường B, phường N, TP V, T trộm cắp được 01 xe mô tô hiệu NAGAKI (kiểu dáng Max) biển số 72L6 – 8273 của anh Nguyễn Trung H. Sau khi lấy được xe, T tháo biển số xe này vứt bỏ, rồi đem xe bán cho 01 đối tượng (không rõ lai lịch, địa chỉ) được 500.000 đồng đem tiêu xài hết.

Theo biên bản xác định giá trị tài sản số 140/BB ngày 20-7-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự TP V thì giá trị 01 xe mô tô hiệu NAGAKI (kiểu dáng Max) biển số 72L6 – 8273 là 500.000 đồng.

Chiếc xe mô tô trên hiện không thu hồi được, anh Nguyễn Trung H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 22 giờ vào một ngày giữa tháng 5-2018, tại khu vực trước nhà số 222/2 đường B, phường T, TP V, T trộm cắp được 01 xe mô tô hiệu Swan (kiểu dáng Dream) biển số 37K7 – 8158 của chị Trần Thị L. Sau đó, T đem xe bán cho 01 đối tượng (không rõ lai lịch, địa chỉ) được 900.000 đồng đem tiêu xài hết.

Theo biên bản xác định giá trị tài sản số 140/BB ngày 20-7-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự TP V thì giá trị 01 xe hiệu Swan (kiểu dáng Dream) biển số 37K7 – 8158 là 2.500.000 đồng.

Chiếc xe mô tô trên hiện không thu hồi được, chị Trần Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 4 giờ ngày 22-5-2018, tại khu vực trước nhà số 38/5/4A đường B, phường T, TP V, T trộm cắp được 01 xe mô tô hiệu Mangostin (kiểu dáng Wave) biển số 67H1-8690 của anh Nguyễn Minh V. Sau khi lấy được xe, T tháo biển số 67H1-8690 vứt bỏ còn xe mô tô trên T để sử dụng.

Theo biên bản xác định giá trị tài sản số 140/BB ngày 20-7-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự TP V thì giá trị 01 mô tô hiệu Mangostin (kiểu dáng Wave) biển số 67H1-8690 là 1.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe mô tô hiệu Mangostin biển số 67H1-8690 trả cho anh Nguyễn Minh V. Anh V đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu đề nghị gì thêm.

Vụ thứ 5: Khoảng 9 giờ ngày 23-5-2018, tại khu vực trước nhà số 65 đường T, phường B, TP V, T trộm cắp được 01 xe mô tô hiệu Yamaha Mio biển số 95F3-4284 của chị Trương Thị Phương D. Sau đó, T đem xe mô tô đến tiệm game bắn cá Bảo Bảo ở khu vực chợ Rạch Dừa, phường Rạch Dừa, TP V cầm cố cho anh Nguyễn Quang A lấy số tiền 1.500.000 đồng đem tiêu xài hết.

Theo biên bản xác định giá trị tài sản số 140/BB ngày 20-7-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự TP V thì giá trị 01 xe mô tô hiệu Yamaha Mio biển số 95F3-4284 là 1.500.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Mio biển số 95F3-4284 trả cho chị Trương Thị Phương D. Chị D đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu đề nghị gì thêm.

Vụ thứ 6: Khoảng 01 giờ ngày 31-5-2018, tại khu vực trước nhà số 210/1A đường H, phường T, TP V, T trộm cắp được 01 xe mô tô hiệu Qunimex (kiểu dáng xe Dream) biển số 86H9-3230 của chị Nguyễn Thị Thu L. Sau khi lấy được xe, T tháo biển số 86H9 - 3230 vứt bỏ còn xe mô tô trên T để sử dụng.

Theo biên bản xác định giá trị tài sản số 140/BB ngày 20-7-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự TP V thì giá trị 01 xe mô tô hiệu Qunimex biển số 86H9-3230 là 1.500.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe mô tô biển 86H9-3230 trả cho chị Nguyễn Thị Thu L. Chị L đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu đề nghị gì thêm.

Tại cơ quan CSĐT Công an TP V, Ngô Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với anh Vũ Văn O khi mua xe và anh Nguyễn Quang A khi cầm cố xe mô tô không biết xe trên là do Ngô Quang T phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với anh O và anh Quang A mà đưa vào diện người có liên quan của vụ án.

Đối với các đối tượng đã mua xe mô tô của Ngô Quang T không rõ lại lịch địa chỉ, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau.

Bản cáo trạng số 164/CT-VKS ngày 24-8-2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Ngô Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức án từ 18 đến 24 tháng tù; buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Trung H 2.000.000 đ (hai triệu đồng); chị Trần Thị L 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng); anh Vũ Văn O 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng); anh Nguyễn Quang A 1.500.000 đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Ngô Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 13 tháng 5 năm 2018 đến ngày 31 tháng 5 năm 2018, trên địa bàn thành phố V, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô các loại với tổng trị giá 12.500.000 đồng. Trong đó, có 02 vụ trộm cắp của các bị hại Đặng Anh T trị giá 5.500.000 đồng, của Trần Thị L có trị giá 2.500.000 đồng; 04 vụ trộm cắp của các bị hại Nguyễn Trung H, Nguyễn Minh V, Trương Thị Phương D, Nguyễn Thị Mỹ L có trị giá tài sản dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo đã bị kết án về tội “trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Vì vậy, hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại quyền sở hữu tài sản người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương và xã hội. Vì vậy, cần xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt phù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 44/2016/HSST ngày 24-3-2016, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên thuộc trường hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Đối với anh Vũ Văn O khi mua xe và anh Nguyễn Quang A khi cầm cố xe mô tô không biết xe trên là do bị cáo phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với anh O và anh Quang A mà đưa vào diện người có liên quan của vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Anh T, anh Nguyễn Minh V, chị Trương Thị Phương D, chị Nguyễn Thị Thu L không yêu cầu bị cáo bồi thường; Anh Nguyễn Trung H yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 2.000.000 đồng, chị Trần Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 2.500.000 đồng.

Bị cáo đồng ý bồi thường anh Nguyễn Trung H 2.000.000 đồng và chị Trần Thị L 2.500.000 đồng; Ngoài ra bị cáo còn tự nguyện bồi thường người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn O 2.500.000 đồng, anh Nguyễn Quang A 1.500.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 biển số xe mô tô 72H1-010.21, bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí : Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Quang T (tên gọi khác: **Lượm**) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Ngô Quang T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 6 năm 2018.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Ngô Quang T (tên gọi khác: **Lượm**) có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Trung H 2.000.000 đ (hai triệu đồng); bồi thường cho chị Trần Thị L 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng); bồi thường cho anh Vũ Văn O 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng); bồi thường cho anh Nguyễn Quang A 1.500.000 đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe mô tô 72H1-010.21.

Vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự thành phố V quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 167/BB.THA ngày 24-8-2018.

4. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 425.000đ (bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Thi hành án dân sự thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Nga